

Progress Test 2
Time: 60 mins - Total: 60

Name: _____ Score: _____

Ex 1. Chuyển đổi các danh từ sau sang số nhiều. (5)

| | |
|-------|-------|
| Grape | _____ |
| Glass | _____ |
| Scarf | _____ |
| Deer | _____ |
| Mouse | _____ |
| Wolf | _____ |

Ex2. Tìm từ khác loại trong các từ sau và khoanh tròn (5)

- | | | | | |
|----|------------------|----------------|----------------------|------------------|
| 1. | A. Kick | B. Tag | C. Skip | D. Lake |
| 2. | A. Snowman | B. Ice skating | C. Fishing | D. Raking leaves |
| 3. | A. Shopping mall | B. University | C. Natural resources | D. Hospital |
| 4. | A. Verb | B. Angelfish | C. Noun | D. Adjective |
| 5. | A. Coal | B. Oil | C. Natural gas | D. Helicopter |

Ex3: Sắp xếp các từ sau thành câu có nghĩa. (10)

1. car/ often/ Bob/ the/ washes.

.....

2. breakfast/ I/ the morning/ have /in.

.....

3. usually/ goes/ Mum/ home/ four/ at.

.....

4. never/ Sue/ late/ is/ work/ for.

.....

5. you/ play/ Can/ piano/ the?

.....

Ex 4. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc theo thì hiện tại đơn hoặc hiện tại tiếp diễn (10).

1. Katherin usually (work) on the farm in the summer.
2. John often (go).....to bed late on Saturdays.
3. Alan usually (brush)his teeth.
4. They (run) to the bus now.
5. My cousin (live)in the USA at the moment.
6. Some teachers (correct).....the exams right now.
7. Lucas sometimes (participate)in the festival.
8. Listen! They (play)..... their favorite song.
9.you (study)now?
10.he often (study)at nights?

Ex 5. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi. (10)

Susan's daily routine

Susan gets up at a half past seven. She has a shower at twenty-five to eight. She gets dressed at a quarter to eight. She has breakfast at eight o'clock. She goes to school at a quarter past eight. She has classes at half past eight. She has lunch at half past twelve. She finishes school at three o'clock. She studies at half past three and at half past four she has tea. She plays at a quarter past five. She has dinner at eight o'clock. She watches TV at half past eight. She goes to bed at ten o'clock.



A. Điền vào các câu sau True (T) or False (F)

- | | |
|--|----------|
| 1. She goes to school at a quarter past eight. | 1. _____ |
| 2. She gets dressed at eight o'clock. | 2. _____ |
| 3. She has lunch at half past twelve. | 3. _____ |
| 4. She watches TV at ten o'clock. | 4. _____ |
| 5. She has tea at four o'clock. | 5. _____ |

B. Trả lời câu hỏi

6. What time does Susan get up?
7. What time does Susan have breakfast?
8. What time does Susan go to school?
9. What does she do at half past twelve?
10. What does she do at half past three?

Ex 6. Viết câu dựa trên từ gợi ý (10)

1. She/ work/ in a university/ now

.....

2. He/ not/ go/ the cinema/ moment.

.....

3. The car/ run/ right now.

.....

4. We/ go/ the zoo/ now?

.....

5. Our teacher/ mark/ the paper/ at the present

.....

Ex7. Cho dạng đúng của tính từ, sử dụng so sánh hơn hoặc so sánh nhất. (10)

1. April is ___ (warm) than January.

2. August is the ___ (hot) month of the year.

3. November is ___ (cold) than September.

4. It is the ___ (old) tree in this park.

5. My mobile is ___ (expensive) than yours.

6. This text is the ___ (easy) text in the book.

7. It is the ___ (boring) film this week.

8. Pam's hair is ___ (long) than Kate's hair.

9. I think it is the ___ (long) day.

10. The ___ (beautiful) place is Paris.

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

9.

10.